TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 31-3-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Trường

Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QQĐST-DS ngày 03-3-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A
Địa chỉ: 18 Phan Đình Giót, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K-Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Q-Trưởng ban xử lý nợ
Uỷ quyền lại cho: Bà Nguyễn Thị Đài T- Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)
Địa chỉ: X Nguyễn Thái Học, phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ X, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày***:

Trong năm 2020, giữa Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Xuân T có ký kết hai hợp đồng tín dụng và thế chấp cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Ngày 18-01-2020 bà T và Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 11A/20/TD/IV.03, sau đó sửa đổi bổ sung bằng hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-11A/20/TD/IV.03 ngày 03-02-2020. Nội dung hợp đồng và sửa đổi bổ sung hợp đồng: Bà T vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà; thời hạn vay 180 tháng; lãi suất: Ưu đãi 12 tháng đầu 11.2%/năm, từ tháng 13 trở đi định kỳ 03 tháng thay đổi lãi suất + 3.9% trên lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Hợp đồng tín dụng thứ hai: Ngày 18-01-2020 bà T ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 11B/20/TD/IV.03, sửa đổi bổ sung bằng hợp đồng sửa đổi số 01-11B/20/TD/IV.03 ngày 03-03-2020. Nội dung hợp đồng và sửa đổi bổ sung hợp đồng: Bà T vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay để mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay 120 tháng; lãi suất: lãi ưu đãi 12 tháng đầu 11.2%/năm, từ tháng 13 trở đi định kỳ 3 tháng thay đổi lãi một lần +3.9% trên lãi suất cơ sở của khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Để đảm bảo hợp đồng, bà T đã ký hợp đồng thế chấp số 11/20/TC/IV.03 ngày 18-01-2020 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-11/20/TC/IV.03 ngày 03-02-2020. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa 53, tờ bản đồ 101, toạ lạc tại phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 527509, do UBND huyện Tân Thành cấp ngày 08-11-2012.

Về thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã giải ngân tín dụng cho bà T tổng cộng 600.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ số 11A/20/TD/IV.03 và 11B/20/TD/IV.03 ngày 04-3-2020.

Đối với khoản vay 400.000.000 đồng: Bà T đã thanh toán được 09 đợt thì ngừng thanh toán, vi phạm nghĩa vụ. Thời điểm bà T vi phạm nghĩa vụ từ ngày 13-11-2020. Đến ngày 13-11-2020 bà T đã thanh toán cho hợp đồng thứ nhất được 52.885.983 đồng, trong đó 20.007.000 đồng nợ gốc, 32.878.983 đồng nợ lãi. Sau khi Ngân hàng khởi kiện đến nay bà T đã thanh toán xong số nợ tới hạn. Tổng số tiền bà T đã thanh toán 133.259.307 đồng, trong đó nợ gốc 82.251.000 đồng, nợ lãi 51.008.307 đồng nợ lãi. Tính đến 31-3-2023, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 317.749.000 đồng.

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng: Bà T đã thanh toán 9 kỳ thì ngừng thanh toán, vi phạm nghĩa vụ. Thời điểm bà T vi phạm nghĩa vụ từ ngày 13-11-2020. Đến ngày 13-11-2020 bà T thanh toán là 31.254.650 đồng, trong đó 15.003.000 đồng nợ gốc và 16.251.650 đồng nợ lãi. Sau khi Ngân hàng khởi kiện bà T tiếp tục T toán xong số nợ tới hạn. Tổng số tiền bà T đã thanh toán 62.776.350 đồng. Tính đến 31-3-2023, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 138.321.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản vay bà T còn nợ: 461.259.118 đồng, trong đó 456.070.000 đồng nợ gốc và 5.189.118 đồng nợ lãi.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân T thanh toán số tiền 461.259.118 đồng, trong đó 456.070.000 đồng nợ gốc và 5.189.118 đồng nợ lãi.

Ngoài ra bà T phải trả tiền lãi theo thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng được phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/20/TC/IV.03 ngày 18-01-2020 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-11/20/TC/IV.03 ngày 03-02-2020 để đảm bảo thi hành án. Trường hợp phát mãi tài sản vẫn chưa thanh toán xong nợ thì bà T phải tiếp tục trả nợ cho đến khi trả nợ xong.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Vào ngày 18-01-2020, bà Nguyễn Thị Xuân T có ký hai hợp đồng tín dụng số 11A/20/TD/IV.03 và 11B/20/TD/IV.03 vay của Ngân hàng TMCP A số tiền 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, lãi suất 11.2%/năm, từ tháng 13 trở đi điều chỉnh lãi suất theo quy định của Ngân hàng A, thời hạn vay 180 tháng và 120 tháng, định kỳ trả nợ gốc và lãi hàng tháng, mục đích vay để xây nhà và mua sắm tài sản. Ngoài ra hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ các bên.

Để đảm bảo khoản vay bà Nguyễn Thị Xuân T có thế chấp cho Ngân hàng A quyền sử dụng đất thửa 53, tờ bản đồ 11, toạ lạc tại phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo hợp đồng thế chấp số 11/20/TC/IV.03 ngày 18-01-2020 và hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-11/20/TC/IC.03 ngày 03-02-2020 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 527509 do UBND huyện Tân Thành cấp ngày 08-11-2012. Thời điểm thế chấp trên đất có một căn nhà cấp 4. Toàn bộ nhà đất là tài sản riêng của bà T.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng A có giải ngân cho bà T nhận đủ 600.000.000 đồng ngày 04-02-2020. Phía bà T cũng đã định kỳ hàng tháng thanh toán tiền lãi và gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Đến cuối năm 2020 bà T gặp khó khăn kinh tế nên tạm dừng trả tiền gốc và lãi hàng tháng theo quy định của hợp đồng.

Đến tháng 3 năm 2022 bà T tiếp tục thanh toán tiền lãi và gốc hàng tháng cho ngân hàng theo hợp đồng. Tổng số tiền bà T đã thanh toán khoảng 300.000.000 đồng.

Nay bà T xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền 488.738.910 đồng, trong đó 477.676.282 đồng nợ gốc và 11.062.628 đồng nợ lãi (10.892.376 đồng lãi trong hạn, 170.252 đồng lãi quá hạn). Bà T đồng ý tiếp tục thanh toán nợ hàng tháng theo thoả thuận trong hợp đồng cho Ngân hàng.

* ***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

- *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp xác định được bà Nguyễn Thị Xuân T hiện còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền 461.259.118 đồng, trong đó 456.070.000 đồng nợ gốc và 5.189.118 đồng nợ lãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Bị đơn bà T cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T đã được triệu tập hợp pháp đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] *Hiệu lực hợp đồng:*

[2.1.1] *Hiệu lực hợp đồng tín dụng*

Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định, ngày 18-01-2020 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký 02 (hai) hợp đồng tín dụng số 11A/20/TD/IV.03 và 11B/20/TD/IV.03, sau đó sửa đổi bổ sung bằng hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-11A/20/TD/IV.03 và 01-11B/20/TD/IV.03 ngày 03-02-2020. Theo đó bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, lãi suất 11.2%/năm, từ tháng 13 trở đi điều chỉnh lãi suất theo quy định của Ngân hàng A, thời hạn vay 180 tháng và 120 tháng, định kỳ trả nợ gốc và lãi hàng tháng, mục đích vay để xây nhà và mua sắm tài sản. Đây là những tình tiết các bên cùng thừa nhận nên không phải chứng minh.

Xét hợp đồng vay tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện theo Điều 117 Bộ luật dân sự, đúng quy định tại 90, 91, 94, 98 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên.

[2.1.2] *Hiệu lực hợp đồng thế chấp*

Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định, ngày 18-01-2020 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/20/TC/IV.03. Đến ngày 03-02-2020, nguyên đơn và bị đơn tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng thế chấp số 01-11/20/TC/IC.03. Nội dung hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp phía bị đơn dùng tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 53, tờ bản đồ 08, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 527509 do UBND huyện Tân Thành cấp ngày 08-11-2012 cho bà Nguyễn Thị Xuân T để đảm bảo hai khoản vay của hợp đồng tín dụng số 11A/20/TD/IV.03 và 11B/20/TD/IV.03 ngày 18-01-2020.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/20/TC/IV.03 ngày18-01-2023 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01-11/20/TC/IC.03 ngày 03-02-2020 giữa nguyên

đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện theo Điều 117 Bộ luật dân sự, đúng quy định tại 90, 98 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước và đã được đăng ký thế chấp theo quy định nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên.

[2.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai các bên xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Xuân T thanh toán được 09 đợt, đến ngày 13-11-2020 ngừng thanh toán. Như vậy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã cam kết. Sau khi nguyên đơn khởi kiện bà T tiếp tục thanh toán thêm 211.050.266 đồng, trong đó 50.639.690 đồng nợ gốc, 81.850.403 đồng nợ lãi trong hạn, 2.228.839 đồng nợ lãi quá hạn của hợp đồng số 11A/20/TD/IV.03 và 36.674.028 đồng nợ gốc, 36.843.284 đồng nợ lãi trong hạn, 2.814.022 đồng nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng số 11B/20/TD/IV.03. Đây là những tình tiết các bên cùng thừa nhận nên không phải chứng minh. Sau khi hoà giải tại Toà án bà T tiếp tục thanh toán thêm các khoản nợ đến hạn. Đến ngày xét xử (31-3-2023) bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 461.259.118 đồng, trong đó 456.070.000 đồng nợ gốc và 5.189.118 đồng nợ lãi.

Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền 461.259.118 đồng, trong đó 456.070.000 đồng nợ gốc và 5.189.118 đồng nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử 31 tháng 3 năm 2023, và bà T có nghĩa vụ tiếp tục T toán tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

Khoản 1 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định:

"1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".

Như vậy yêu cầu trả nợ của Ngân hàng TMCP A là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.

Xét yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo trong trường hợp bà T không thanh toán được nợ của Ngân hàng TMCP A thì thấy:

Khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định:

"2.Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước".

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/20/TC/IV.03 ngày18-01-2023 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01-11/20/TC/IC.03 ngày 03-02-2020, có hiệu lực pháp luật, giữa bà T và Ngân hàng không có thoả thuận về cơ cấu lại nợ, nên trường hợp bà T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thửa số 53, tờ bản đồ 08, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số BL 527509 do UBND huyện Tân Thành cấp ngày 08-11-2012 cho bà Nguyễn Thị Xuân T để thu hồi nợ, là phù hợp quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận: = (20.000.000 đồng + 4% x 61.259.118 đồng) = 22.450.364 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T phải chịu toàn bộ 2.000.000 đồng chi phí tố tụng. Do Ngân hàng TMCP A đã tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng, nên bà T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, 466 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với bà Nguyễn Thị Xuân T.

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 461.259.118 đồng (bốn trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm năm mươi chín nghìn một trăm mười tám đồng), trong đó 456.070.000 đồng (bốn trăm năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) nợ gốc và 5.189.118 đồng (năm triệu một trăm tám mươi chín nghìn một trăm mười tám đồng) nợ lãi tính đến ngày xét xử 31 tháng 3 năm 2023.

Từ ngày 01-4-2023 bà T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từng lần số 11A/20/TD/IV.03 và số 11B/20/TD/IV.03 ngày 18-01-2020, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-11A/20/TD/IV.03 và số 01-11B/20/TD/IV.03 ngày 03-02-2020 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Xuân T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thửa số 53, tờ bản đồ 08, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 527509 do UBND huyện Tân Thành cấp ngày 08-11-2012 cho bà Nguyễn Thị Xuân T, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/20/TC/IV.03 ngày18-01-2023 và Phụ lục hợp đồng

thế chấp số 01-11/20/TC/IC.03 ngày 03-02-2020, giữa Ngân hàng TMCP A với bà Nguyễn Thị Xuân T để thu hồi nợ.

1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nuyễn Thị Xuân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 22.450.364 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 13.183.000 đồng (mười ba triệu một trăm tám mươi ba đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006585 ngày 24 tháng 10 năm 2022, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

2. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 2.000.000 đồng chi phí tố tụng. Do Ngân hàng TMCP A đã tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng, nên bà T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Huỳnh T Trà